

Ngày: 20/2/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Triệu

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đình Bạ

2. Bà Bùi Thị Hoanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt Sương - Thư ký TAND huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 2 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2023/TLST-HS ngày 17/01/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 2 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn S; ngày sinh 23 tháng 01 năm 2000, tại Đ, Quảng Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay thôn H, xã Đ-L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp công nhân; trình độ học vấn 9/12; con ông Lê M (sinh năm 1979) hiện làm nông và trú tại thôn H, xã Đ-L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; con bà Ngô Thị K (sinh năm 1979) hiện làm công nhân và trú tại thôn A-T, xã Đ-H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo có 2 anh em, bị cáo là con đầu. bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa *Người bị hại;* Bà Đinh Thị G sinh năm 1975; trú tại thôn A-T, xã Đ-H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

1- Anh Ngô Văn T, sinh năm 2002; trú tại thôn A-T, xã Đ-H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

2 -Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1969; trú tại thôn T-H, xã Đ-Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Lê Văn S và Ngô Văn T (sinh năm: 2002, trú tại thôn A-T, xã Đ-H, huyện Đ) là bạn bè cùng làm công nhân tại Đà Nẵng. Ngày 12/10/2022, S mượn xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter, BKS 92E1-627.14 của T để về nhà tại xã Đ-L, T đồng ý. Đến trưa ngày 13/10/2022, T điện thoại nhờ Lê Văn S đến nhà T, tại thôn A-T, xã Đ-H lấy âm siêu tốc đưa cho ba T đang điều trị bệnh tại Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, S điều khiển xe mô tô BKS 92E1-627.14 đến nhà T. Tại đây, cửa chính vào nhà không khóa nên S dựng xe bên ngoài rồi đi xuống khu vực nhà bếp lấy âm siêu tốc, S quan sát không có người ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. S thấy tại khu vực nhà bếp có một tủ nhựa màu trắng, có nhiều ngăn kéo, S dùng tay kéo các hộc tủ ra, hộc trên cùng bên phải đã khóa nên S dùng tay phải giật mạnh thì mở được ngăn kéo bên phải rồi lục tìm và phát hiện trong hộc tủ có 01 bao ni lông bên trong đựng nhiều loại trang sức, trong đó có hộp nhựa màu đỏ, S mở hộp ra thì thấy có 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng. S lấy sợi dây chuyền vàng bỏ vào túi quần bên trái, đóng tủ lại rồi điều khiển xe đến bệnh viện. Khi S điều khiển xe đến tiệm vàng Kim Nhi thuộc thôn T-H, xã Đ-Q thì dừng xe và vào tiệm vàng Kim Nhi để bán sợi dây chuyền vàng vừa trộm được. S gặp bà Nguyễn Thị Tuyết V, chị V hỏi S “bán gì”, S trả lời “bán sợi dây chuyền” và đưa sợi dây chuyền cho chị V kiểm tra, chị V hỏi “mua ở tiệm vàng Duy Lộc hả”, S trả lời “đạ” và chị V nói sợi dây chuyền này là vàng 96, trọng lượng 02 chỉ, giá mua vào là 9.960.000 đồng, S đồng ý bán và chị V đưa tiền cho S. Sau đó S đem âm siêu tốc đến bệnh viện đưa cho ba T. Đến ngày 16/10/2022, bà Đinh Thị G là mẹ ruột của T về nhà phát hiện mất 01 dây chuyền vàng nên trình báo Công an xã Đ-H, huyện Đ. Ngày 17/10/2022, Công an xã Đ-H mời S đến làm việc, S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 28/10/2022 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 96, trọng lượng 02 chỉ có giá trị là 10.150.000 đồng.

Tạm giữ vật chứng và xử lý vật chứng của vụ án: 01 sợi dây chuyền vàng 96, trọng lượng 02 chỉ. Cơ quan CSĐT đã thu giữ và trả cho chủ sở hữu .

Về dân sự: bị hại Đinh Thị G đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì. Lê Văn S đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 9.960.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 07 /CT-VKSĐL ngày 16 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lê Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 bộ luật hình sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo S đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo S và phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân cũng như các tình tiết, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, tuyên phạt bị cáo

Lê Văn S từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng .

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn S khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu.

Bị cáo S có lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ân hận, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ và cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo ở nhà làm ăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại Tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Phân tích hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có người nào, có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Bị cáo S là người trưởng thành, có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, động cơ vụ lợi cá nhân.

Bị cáo S khai nhận Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 13/10/2022, tại nhà bà Đinh Thị G, trú thôn A-T, xã Đ-H, huyện Đ, trong lúc đi lấy giúp ám siêu tốc cho Ngô Văn T bị cáo S đã lén lút mở tủ tìm kiếm và chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng 96, trọng lượng 02 chỉ của bà Đinh Thị G, trên đường đi xuống bệnh viện, bị cáo S đến Tiệm vàng Kim Chi của bà Nguyễn Thị Tuyết V ở thôn T-H, xã Đ-Q, là chủ tiệm vàng, bán với giá là 9.960.000 đồng, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ định giá là 10.150.000 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận bị cáo S phạm tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo S là người đã trưởng thành, có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng do lười lao động, ham chơi, tham lam, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà G, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương .

Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo S đã gây ra, để có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S, Bị cáo S có ông nội có công cách mạng, bà nội là bà Mẹ Việt Nam anh hùng, bản thân bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ quân sự .

HĐXX thống nhất với quan điểm luận tội của VKSND huyện Đ đối với bị cáo S. Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo Lê văn S. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt HĐXX không cần thiết phải cách ly bị cáo S, mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục.

[4] Về dân sự: Bị hại bà Đinh Thị G đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì. Lê Văn S đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 9.960.000 đồng. nên HĐXX không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 sợi dây chuyền vàng 96, trọng lượng 02 chỉ. Cơ quan CSĐT đã thu giữ và trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo S phải chịu án phí 200.000 đồng theo quy định của pháp luật

Các vấn đề khác trong vụ án: Đối với bà Nguyễn Thị Tuyết V đã mua tài sản do Lê Văn S trộm cắp mà có. Tuy nhiên, bà V không biết sợi dây chuyền vàng do S trộm cắp nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với việc anh Ngô Văn T cho bị cáo Lê Văn S mượn xe mô tô BKS 92E1-627.14 để đi lại, anh T không biết S sử dụng để đi trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý.

.Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn S phạm tội ‘Trộm cắp tài sản’ theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015

Tuyên phạt: bị cáo Lê Văn S, 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

thời gian thử thách là 01 năm 6 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, (ngày 20 tháng 2 năm 2023).

Giao bị cáo Lê Văn S cho UBND xã Đ-L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam quản lý giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Vụ Giám đốc kiểm tra I
TANDTC

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Triệu

